

NHẤT THIẾT ÂM NGHĨA KINH

Sa-môn phiên dịch kinh Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 3

(Âm kinh Đại Bát-nhã từ quyển 302-349)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 302

Nhiều nảo (嬈惱). Ngược lại âm trên là nê ô 泥烏. Thuyết Văn nói rằng: Nhiều là khát khe, tàn ác. Một gọi là quấy nhiều, là m trò. Chữ viết từ bộ nữ 女 thanh nhiều 堯. Ngược lại âm dưới là nô lão 奴老

Trước trong quyển hai đã giải thích.

Năng Trở (能阻). Ngược lại âm trang sở 莊所. Nhĩ Nhã cho rằng: Trở là ngăn cản khó khăn. Theo Tả Truyện cho là nghi ngờ. Thuyết Văn nói là hiểm trở. Chữ viết từ bộ phụ 阜, thanh thư. Âm thư ngược lại âm tử dư 子余.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 303

Khiếm Khứ (欠去) Âm khứ 去. Bì Thương cho rằng: Khiếm khứ là há to miệng ra. Theo chữ khiếm khứ là há to miệng ra để dẫn hơi vào, hoặc viết khứ 𠂇 này.

Phan chi (攀枝). Ngược lại âm phổ ban 普班. Thuyết Văn cho là Dẫn dắt, níu kéo. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh phan. Âm phan là âm phiền 煩. Ngược lại âm dưới là chỉ di 止移. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Chi (枝) là nhánh cây. Chữ viết từ bộ mộc 木. Thuyết Văn cho là Tay nắm lấy nữa cành trúc gọi là chi 支. Văn cổ viết chi 𠂇 này cũng đồng.

Quý mô (揆摸). Ngược lại âm quỳ quý 葵 葵. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Quý (揆) là đánh giá, phán đoán. Gia Uyển Chu Tông cho rằng: Thương lượng, trải nghiệm, đánh giá các việc gọi là quỳ 揆. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thủ 手 thanh quý 葵. Ngược lại âm dưới là mạc hồ 莫胡. Tóm tắt lại cho rằng: Mô là học theo phương pháp. Thuyết Văn là Qui tắc. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh mạc 莫.

Hiệt Tuệ (黠慧). Ngược lại âm trên là nhân ưu 閑憂. Tiếng địa phương cho rằng: Tuệ kiệt là thông minh, nhanh nhẹn. Thuyết Văn cho là Chất xám cứng rắn. Chữ viết từ bộ hắc 黑 thanh kiệt. Ngược lại âm dưới là huê giai 攜佳. Quách Phác chú giải tiếng địa phương rằng: Tuệ (慧) là tình ý sáng suốt. Giá Quý chú giải sách Quốc ngữ rằng: Sáng suốt, xác thật, hiểu biết tường tận. Thuyết Văn cho rằng: Khinh bạc, lạnh lợi. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh tuệ 慧. Âm huyền 僂 ngược lại âm huyết duyên 血緣. Huyền cũng gọi là tuệ. Âm tuệ 慧 ngược lại âm tùy tuệ 惠.

Ca Già Mạc ni (迦遮末尼). Ngược lại âm trên là cương già 薑伽. Âm kế là giả xà 者蛇. Âm cuối là mạc bát 莫鉢, là tiếng Phạm. tên loại châu báu, loại quý như là Ngọc, Đá, ngọc Tỳ Diêu Miên.

Báo oán (報怨). Ngược lại âm trên là bảo mạo 保冒. Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: Báo (報) là đáp lại. Quảng Nhã cho là phục hồi. Cố Dã Vương cho là Báo đáp, đền đáp. Thuyết Văn cho là Người đương là m tội. Chữ viết từ bộ hạnh 幸 thanh phục âm phục 服 là âm tội 罪. Ngược lại âm dưới là uyển viên 苑袁. Khảo Thanh cho là Oán ghét, hiểm thù, cừ hận. Khảo Thanh cho rằng: Từ đào lấy gốc cỏ mà che đậy lại. Chữ viết từ bộ miên thanh oán 怨. Âm miên 冫 là âm miến 綿, âm phục 服 là âm phục 服.

Đỗ Đa (杜多). Âm trên là độ 度, là tiếng Phạm. Xưa dịch là đầu đà 頭陀, hoặc gọi là Đầu-tẩu. Nghĩa là tu hạnh ít muốn biết vừa đủ. Có mười hai hạnh:

- Một là thường đi khát thực.
- Hai là khát thực theo thứ lớp.
- Ba là ngồi một chỗ mà ăn.
- Bốn là theo thứ lớp mà ăn.
- Năm là khi ăn xong không uống nước trái cây ép.
- Sáu là thường ở chỗ vắng vẻ.
- Bảy là thường ngồi không nằm.
- Tám là hễ được tọa cụ nào thì sử dụng tọa cụ ấy.
- Chín là ngồi ngoài trời.

- Mười là ngồi dưới gốc cây.
- Mười một là chỉ chứa ba y.
- Mười hai là mặc y phần tảo.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 304

Hôn Trầm (昏沉). Ngược lại âm trên là hồ côn 乎昆. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Hôn là loạn. Quảng Nhã cho: Hôn là ngu si, ngớ ngẩn, đần độn. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ dân 民. Sau các Miếu, Chùa tránh phạm Húy nên đổi lại chữ dân 民 là chữ thị 氏, hoặc là viết từ bộ tâm 心 viết thành chữ hôn 婚, chữ miên 眠 ở dưới y cứ theo đây.

Thùy Miên, ngược lại âm trên là thùy ngụy. Theo Tập Huấn Truyện cho là ngồi mà ngủ. Sách Tự Thư cho rằng: Ngủ mê, say. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ mục 目 thanh thùy. Ngược lại âm dưới là mạc biên 莫邊. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Miên (眠) là nằm mà ngủ. Thuyết Văn nói chữ viết huyền âm miên 眠 thanh miên 眠. Chữ mục 目 thanh huyền. Chữ đúng xưa nay viết miên 眠 mục 目 huyền từ bộ mục 目 thanh miên.

Khể Lưu (稽留). Ngược lại âm trên là kinh nghe 經霓. Khảo Thanh cho rằng: Khể là ngừng lại, chậm lại. Thuyết Văn cho rằng: là Dừng lại, lưu lại, giữ lại. Chữ viết từ bộ chỉ 旨, thanh khể. Âm khể là âm kê 雞. Văn cổ viết là khể 𠂔, hoặc viết là bốc 卜. Ngược lại âm dưới là lực cứu 力救. Giải thích trước cũng đồng. Khảo Thanh cho là lâu dài. Thuyết Văn cho là dừng lại, lưu lại. Chữ viết từ bộ điền 田 thanh lưu. Nay trong văn kinh viết chữ biến thể thành chữ lưu 留 này, hoặc là viết lưu 留 này, hoặc là viết lưu 留 như vậy lần lần chuyển nên sai đi âm lưu cũng là âm đậu 酉, âm liễu 柳.

Tạ Pháp (榭法). Ngược lại âm trên là 夕夜 tịch dạ. Khảo Thanh cho rằng: Lạ tạ ân nghĩa. Thuyết Văn cho là từ biệt. Chữ viết từ bộ ngôn 言 thanh xạ 射. Dưới là chữ pháp 法. chữ đúng thể là chữ pháp 珐 này, hoặc là viết pháp 珐. Nay theo lệ sách viết lược bớt đi, chữ pháp 珐 viết thành chữ pháp 法 này. Âm pháp 珐 ngược lại âm trạch 宅 độc. Gọi là Thần thú ngày xưa cũng gọi là giải pháp độc. Không thẳng tới mà từ từ bỏ đi, phẳng lặng như nước. Cho nên từ bộ thủy 冰 mà viết pháp 珐

lược đi. Nay lược lại và viết chữ pháp 法 này. Quảng Nhã cho là Pháp lĩnh. Nhĩ Nhã cho là Thường. Thuyết Văn nói là hình luật. Cố Dã Vương cho rằng: Pháp là lau chùi, là nghi tắc, phép tắc.

Vô lụy (无纆) Chữ trên là vô 无. Văn cổ viết kỳ 奇 trong chữ vô 无. Thuyết Văn nói là Hư vô, là sức mạnh. Ngược lại âm dưới là nguy. Theo Tả Truyện cho rằng: Con người về sau không có mệt mỏi. Văn Thuyên cho là tội tương, Tự Thư cho là Liên lụy đến nhà, văn cổ lại viết lụy đều là chữ tượng hình.

Hệ Phược (繫縛). Ngược lại âm trên là kế 計. Sách Tập Huấn Truyện cho rằng: Nối kết lại, tiếp theo. Ngọc Thiên cho rằng: Buộc chặt lại, câu thúc. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mạch 糸 thanh hệ. Ngược lại âm dưới là phòng bác 房博. Tập Huấn Truyện cho Phược hệ là ràng buộc, trói buộc. Thuyết Văn nói cho là bó lại. Chữ viết từ bộ mạch 糸 bác 博 thanh tỉnh 省.

Gian Tân (艱辛). Ngược lại âm thảo nhàn 草閑. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Khó khăn, gian nan. Thuyết Văn cho là Đất khó trị. Chữ viết từ bộ thổ 土 thanh cần 艮. Âm cần là âm cần 謹. Chữ theo đây là đúng. Nay văn thường dùng loại viết cần 勤 là sai. Chữ tân 辛 trên theo hai cách viết tân 辛.

Vô hạ (無暇). Ngược lại âm trên hà nha 遐佉. Giả Quì chú giải sách Quốc ngữ rằng: Hạ (暇) là sự rảnh rỗi, nhàn rỗi. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ nhật 日 thanh hà.

Da hồ (祜祜) Ngược lại âm 胡古 hồ cổ. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Hồ 祜 là may mắn, phước là nh. Sách Nhĩ Nhã cho là nguồn phước. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thị 示 thanh cổ 古. Trong kinh hoặc là viết hữu 祐 âm hữu 右. Thuyết Văn cho là Hồ đở, giúp sức. Nơi nghĩa cũng thông chữ trên dịch là có liên hệ với nhau. Khổng Tử cho rằng: Từ nơi Trời trợ giúp, là thuận theo con người để trợ giúp, là người có lòng tin. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thị 示 thanh hữu 右. Âm thị 示 là âm kỳ 祇.

Văn manh (蚊攢). Ngược lại âm trên là vật phân 勿汾. Trong kinh viết văn 文, thường dùng sai. Thuyết Văn nói viết văn 文 là loại côn trùng biết bay cắn đốt chích người. Ngược lại âm dưới là mạc canh 莫耕. Theo Thanh loại cho rằng: com muỗi mắt, muỗi kim, giống như con muỗi mà lớn hơn. Thuyết Văn cho là ở trên núi, hồ ao nước đọng, trong cỏ hoa hóa sanh con muỗi này, cũng từ trong thân con nai sanh ra. Thân nó lớn gọi là manh 攢 tức là con ruồi trâu mà sống từng đàn. Theo văn gọi là loài ký sinh trùng sống trên người và thú vật, hút máu

để sống.

Vô giáp (無 邾). Ngược lại âm hồ giáp 胡 甲. Thuyết Văn cho rằng: Nơi quan ải nhỏ hẹp. Chữ viết từ bộ phụ 阜 thanh giáp. Trong văn kinh viết từ bộ đại 大 viết thành giáp 邾 này là chẳng đúng. Âm giáp ngược lại âm hiềm diệp 嫌 葉.

(Kinh từ quyển 305 đến quyển 310 đều không có âm giải thích.)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 311

Thông duệ (聰 叡). Ngược lại âm trên là thông 蔥. Theo Hàn Thi Truyện cho là thông minh. Mao Thi Truyện cho là nghe. Thuyết Văn cho là chính xác thật tế. Chữ viết từ bộ nhĩ 耳 thanh thông. Ngược lại âm dưới là nhuệ 銳. Văn Bát-nhã cho rằng: Là trí tuệ. Sách Thượng Thư cho là Thánh. Tập Huấn Truyện cho là thông tận nơi vi tế nhỏ bé nhất. Thuyết Văn cho là Sâu, trí sáng thâm sâu. Chữ viết từ bộ thông đến mục 目 thanh tỉnh cốc 省 谷. Âm thông là âm tàn 殘.

Chúng dụ (眾 喻). Ngược lại âm trên là 菘 虫 Thuyết Văn cho là chúng là số đông nhiều, từ bộ thỉ 豕, lập là chúng đông. Từ bộ mục 目 viết chữ chúng. Chữ chỉ ý. Âm chúng là âm ngâm 吟. Ngược lại âm dưới là dục chú 翼 注 là chữ thường hay dùng. Viết đúng từ bộ ngôn 言 viết thành dụ 諭. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký cho là nói lời nhãi bên tai. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Khuyên can, dùng thí dụ khuyên can. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ ngôn 言 thanh dụ.

Bất Khiếp (不 怯). Ngược lại âm khiếm khiếp 欠 怯. Cố Dã Vương cho là khiếp sợ nhất gan. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ khuyển 犬 viết thành chữ khiếp 怯. Cho rằng nhiều chó nên phải sợ hãi là chữ hội ý.

Bất đạn (不 憚). Ngược lại âm trên đường lan 唐 闌. Trịnh Huyền chú giải Mao Thi Truyện cho rằng: Đạn (憚) là khó khăn kiên sợ. Theo Tập Huấn Truyện cho là từ chối, kinh sợ. Thuyết Văn cho là Kiên ky. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh đơn 單.

Giải Quyện (懈 倦). Ngược lại âm trên là giới 戒. Âm dưới là cuồng viện 狂 院, hoặc là viết quyện 倦. Quảng Nhã cho rằng: quyện là rất. Vận Anh Tập cho rằng: Rất mỗi mệt, hoặc là viết là .

Do dự (猶 豫). Ngược lại âm trên là Dục châu 翼 州. Âm dưới là

dư cứ 餘據. Hiếu Thanh cho rằng: Do dự là không nhất định. Từ Tập Huấn Truyện cho là trong lòng nghi ngờ. Sách Lễ Ký cho là Đoán, dự đoán. Cho nên chỗ quyết còn hiềm nghi, nhất định do dự. Tiếng địa phương cho rằng: Ở Lũng Tây gọi con chó là do 猶. Cho nên chữ Do từ bộ khuyển 犬 thanh do. Giả Quỳnh chú giải sách Quốc ngữ rằng: Dự (豫) là tên một con thú hình dáng giống như con voi. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ tượng 象 thanh dữ 与.

Đổ La miên (堵羅綿). Âm trên là đổ 堵. Âm dưới là di nhiên 彌然. Tiếng Phạm, gọi là loại bông tơ nhẹ mịn. Sa-môn Đạo Tuyên chú giải trong Tứ Phần Luật giới kinh rằng: Loại cây cỏ trở bông mịn nhẹ. Hoa Bồ Đào, hoa Liễu, hoa trắng, hoa trắng dương, hoa Điệp v.v... Là loại bông nhẹ bay lên, lấy nghĩa nhuyễn mịn là m ví dụ.

Phiêu dương (飄颺). Âm trên là thất điều 匹遙. Trong Mao Thi Truyện cho là gió mạnh. Ngược lại âm dưới là dương lượng 揚亮. Thuyết Văn cho là gió bay phát phối, thanh bình.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 312

Phiếm Đại Hải (泛大海). Ngược lại âm phương phạm 芳梵. Thuyết Văn cho: Phiếm (泛) là nổi. Chữ viết từ bộ thủy thanh phạt. Ngược lại âm phạt tức 伐即, là chữ đúng. Ngược lại âm dưới là ha cải 訶改. Cố Dĩ Vương cho là nước lớn nhiều, nhận nước từ muôn con sông chảy ra. Lão Tử cho rằng: Sông biển cả mệnh mông. Cho nên có thể là m vua cả trăm hang nhỏ, ngõ ngách tram muôn con sông lão Tử nói: Sở dĩ sông biển có khả năng đứng đầu trăm hang là vì dụ cho Pháp là nh, cho nên Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thủy thanh mỗi 每.

Phù nang (浮囊). Âm trên là phù 符. Lại âm phù vưu 符尤. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Trôi nổi gọi là 浮 phù. Giả Quỳnh chú giải sách Quốc ngữ cho là nhẹ. Thuyết Văn cho là nổi lên trên mặt nước. Chữ viết từ bộ thủy thanh phù 孚. Ngược lại âm dưới là nặc đường 諾唐. Tập Huấn Truyện cho rằng: Cái túi có đáy gọi là nang 囊, không đáy gọi là thác 託. Nay trong kinh nói “Phù nang” đó là cái túi chứa hơi, muốn vượt qua biển lớn phải nương vào cái túi này, cái túi chứa hơi đó la nhẹ nổi lên mặt nước, có sức đưa người qua sông biển lớn.

Bản Phiến (板片). Ngược lại âm trên là ban giản 班簡. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: dùng cây cưa chẻ gỗ ra là m ván. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ phiến 片 viết thành bản 板 là cắt gỗ ra thành miếng ván. Trong văn kinh viết từ bộ mộc 木, văn thường dùng thông dụng. Ngược lại âm dưới là thiên biến 篇遍. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Phiến (片) là gỗ được chẻ ra thành miếng ván. Thuyết Văn nói là phân nửa khúc gỗ.

Tử Thi (死屍). Âm thi 尸. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Người chết gọi là thi 屍. Theo sách Lễ Ký cho rằng: Người chết ở trên giường gọi là thi (屍) xác chết. Bỏ vào quan tài gọi là cữu 柩. Tức là linh cữu, cái hòm liệm xác người chết. Âm tức cữu 柩 là âm cữu 舊. Chữ viết từ bộ phương 匚 đến bộ cửu 久.

Khoáng dã (曠野). Ngược lại âm trên là廓廣 khuếch quảng. Trước đã giải thích rồi.

Tư lương 資糧. Thuyết Văn nói: Tư (資) là hàng hóa. Chữ viết từ bộ bối 貝 thanh tư. Ngược lại âm dưới là lực khương 力姜, hoặc viết là lương 糧. Tập Huấn Truyện cho là Các thứ lương thực, thức ăn. Thuyết Văn nói là Ngũ cốc. Chữ viết từ bộ mễ 米 thanh lượng 量. Trong kinh Lục Độ Vạn Hạnh gọi là “Tư lương”.

Tao khổ (遭苦). Ngược lại âm tổ lao 祖勞. Thuyết Văn cho là gặp gỡ.

Phôi bình (坯瓶). Ngược lại âm trên là phổ bôi 普盃. Thuyết Văn cho là Ngói chưa nung nên gọi là phôi. Chữ viết từ bộ thổ 土 thanh bất 不. Ngược lại âm dưới là mãn huyền 滿暄. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: dụng cụ chứa nước. Hiếu Thanh cho rằng: Giống như cái bình mà miệng nhỏ gọi là bình 瓶, cái lọ, cái chai. Âm anh. Ngược lại là âm ô canh 烏耕.

Kham thịnh (堪盛). Ngược lại âm trên là khang cam 康甘. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Kham là có thể, có khả năng. Âm thịnh 盛 là thành 成. Hiếu Thanh cho là bền chắc. Thuyết Văn cho là nhiều, đầy đủ. Chữ viết từ bộ mãnh 皿 thanh thành 成.

Trang trị (裝治). Âm trên là trang 莊. Hiếu Thanh cho là Trang sức đẹp. Âm dưới là trì 持. Tự Thư cho là Sửa trị, pháp lệnh, sửa, tu sửa.

Thôi trước (推著). Ngược lại âm trên là tha lôi 他雷. Thuyết Văn cho là Thôi (推) là sắp bày, âm bài 排. Ngược lại âm bại 敗 mai 埋. Ngược lại âm dưới là trương lược 張略. Chữ viết đúng là từ bộ thảo 草 đến chữ giả 者, hoặc từ bộ thủ 手 thổ viết thành chữ trước 著. Nay trong

kinh viết hai chữ điểm 點 dưới viết thành chữ trước 著, vì có bộ thảo 草 là sai.

Tảng thất (矇失). Ngược lại âm tảng táng 矇葬. Hiếu Thanh cho rằng: Tảng thất là lạc mắt, rời rạt. Thuyết Văn nói cho là chết mắt. Viết chữ từ khóc 哭. Âm khóc 哭 ngược lại âm khổ 苦 cốc thanh vong. Trong văn kinh viết táng 喪 hoặc là viết tắng đều sai. Âm dưới là thất 失. Thuyết Văn cho rằng: Thất (失) là tung hoành ngang dọc. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh ất 乙. Theo Lệ sách viết chữ thất 失 này là sai.

Phương khiên (方牽). Ngược lại âm xí kiên 企堅. Quảng Nhã cho là liên kết, dẫn dắt. Kéo lôi. Thuyết Văn cho là Dẫn đi trước. Chữ viết từ bộ mịch 冫 giống như ngư 牛. Âm 麤 quân nghĩa là tụ hợp lại. Lại viết từ bộ ngư 牛 thanh huyền 玄. Âm miên ngược lại âm quý dinh 癸 羸. Văn thường dùng viết từ bộ thủ 手 đến bộ khứ 去 viết khiên 牽 này là chẳng đúng. Văn cổ viết từ bộ thủ 手 viết thành chữ khiên.

Xuyên huyết (穿穴). Ngược lại âm trên là xương chuyên 昌 專. Vận Anh Tập giải thích rằng: xuyên là cai hang. Thuyết Văn cho là thông suốt. Chữ viết từ bộ thân 身 đến bộ huyết 穴. Âm dưới là huyền quyết 玄 決. Trịnh Tiên chú giải Mao Thi Truyện cho rằng: Đường dưới đất gọi là cái hang. Thuyết Văn nói cho là Đất ở nhà. Chữ viết từ bộ miên 冫 thanh bát.

Lão mạo (老耄). Ngược lại âm trên là lạc não 勒惱. Nhĩ Nhã giải thích rằng: Lão là thọ, tuổi thọ. Hiếu Thanh cho rằng: Sống lâu, cựu. Khúc Lễ Kinh cho rằng: Bảy mươi tuổi gọi là lão 老. Thuyết Văn cho là Mạo lão là người cao tuổi. Chữ viết từ bộ mao 毛 đến bộ nhân 人, đến bộ chủ. Âm chủ là âm hóa. Nói rằng người có râu tóc hóa bạc trắng gọi là lão 老. Ngược lại âm dưới là mao bạo 毛暴. Sách Chu Lễ cho rằng: Tám mươi, chín mươi tuổi gọi là mạo 耄. Trịnh Huyền cho: Là người mê muội hay quên. Thuyết Văn nói chữ viết là mạo niên 耄年 là chín mươi tuổi. Chữ viết từ bộ lão 老 đến bộ cao 高 thanh tỉnh 省.

Câu Lô xá (俱盧舍). Là tiếng Phạm. Trong Luận Đại Bà-sa cho là Một Câu-Lô-Xá, tức là bằng tiếng con bò rống vang ra, tức là nơi rất xa ngoài thành. Vùng A-lan-nhã. Tức là nơi tịch tịnh yên tĩnh.

(Quyển 313 không có âm giải thích.)

**KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 314**

Hộc noãn (鰈 卵). Ngược lại âm trên là khổ giác 苦角. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Cái trứng của con chim, da ngoài trong rỗng. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ hộc 鰈 thanh giác 角. Âm giác 角 ngược lại âm khẩu giang 口江. Ngược lại âm dưới là quản 管. Thuyết Văn cho là Phàm vật gì không có vú đều từ trứng sinh ra. Văn cổ viết chữ noãn 卵 này, hoặc là viết noãn 卵. Chữ tượng hình.

Ế mục (瞍 目). Ngược lại âm ư kế 於計. Vận Lược Tập cho rằng: Con mắt bị che. Chữ viết từ bộ mục 目 thanh y. Ngược lại âm ư kế 於計. Trong văn kinh viết ế 瞍 này là chẳng đúng. Chữ mục 目 Thuyết Văn cho là con mắt của người. Chữ tượng hình có hai “đồng tử”.

Tướng Soái (將 帥). Ngược lại âm tinh dạng 旌樣. Từ Thư cho: là quân chủ. Thuyết Văn cho là Thống lĩnh. Chữ viết từ bộ thốn 寸 đến chữ thanh tỉnh 省. Ngược lại âm dưới là suất loại 率類. Khảo Thanh cho là Thống lĩnh. Tập Huấn Truyện cho rằng: Tướng quân. Hoặc là viết hoặc âm là suất (率) đây cũng thông dụng.

(Quyển 315, không có âm giải thích.)

**KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 316**

Thuần thực (淳 熟). Ngược lại âm trên là thời luân 時倫. Văn thường hay dùng viết là thuần 淳, hoặc là viết thuần 淳. Quảng Nhã cho rằng: Thuần là trong sạch. Hiếu Thanh cho rằng: thuần là sạch trong. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ thủy viết thành chữ tức là trong suốt màu xanh. Âm lục là âm 淥 lộc. Ngược lại âm dưới là thường lục 常陸. Theo Hiếu Thanh cho rằng: Trở thành chín mùi. Tiếng địa phương cho rằng: Đã chín như. Thuyết Văn nói rằng: Thức ăn đã nấu chín. Chữ viết từ bộ kích thanh âm cao 高 nhằm 飪. Ngược lại âm nhi chẩm 而枕. Âm kích là âm kích 戟. Âm cao 高 ngược lại âm thời luân 時倫. Nay văn thông dụng viết chữ thực 熟, hoặc theo dưới từ bộ hỏa viết thành chữ 熟 thực, đều là theo Lệ Sách viết, từ lược bớt mà biến thể đi, đều thông dụng âm hỏa là .

(Quyển 317 không có âm giải thích.)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 318

Đa-Yết-La (多揭羅). Là tiếng Phạm, tên mùi hương. Âm yết揭 là âm yết羯, theo âm Phạm là sai. Âm đúng gọi là Đa nghiệt la 多葉囉. Tức là mùi hương của “linh lăng”. Chữ la 囉 chuyển lưỡi đọc là “Ra”.

Đa-Ma-La (多摩羅). Cũng là Tiếng phạm, tên mùi thơm. Đời Đường dịch là mùi thơm của cây Hoắc hương. Xưa gọi là mùi thơm của rễ cây là sai.

Ốt Bát La Hoa (唵鉢羅花). Ngược lại âm trên là ôn cốt 溫骨. Đời Đường dịch là Hoa sen xanh, hoa này màu xanh, lá nhỏ hẹp mà dài, mùi thơm bay rất xa, người nhân gian khó có thể ngửi được, mùi hoa này giữ cho không nóng bức. Xưa ở ao rộng lớn có, hoặc gọi là Ưu-Bát-La. Thanh chuyển đều là một nghĩa.

Bát Trì Ma Hoa (鉢持摩花). Xưa gọi là 鉢? 摩, hoặc gọi là Bát-nỗ-ma 鉢弩摩. Đúng âm Phạm gọi là Bát-nạp-ma 鉢納摩. Đây người đời gọi là hoa sen đỏ. Như trên gọi là hoa màu đỏ, màu vàng, màu tím.

Câu Mỗ-Đà-Hoa 拘某陀花. Xưa gọi là câu-vật-đầu 拘勿頭. Đúng âm Phạm là câu-mâu-na 拘牟那. tức là hoa sen màu tím đỏ đậm, màu son. Người đời không ngửi được mùi hoa kia. Trong ao rất thơm, hoa cũng rất lớn.

Bôn-Trà-Lợi-Ca-Hoa (奔茶利迦花). Xưa gọi là phân-đà-lợi 芬陀利. Đúng âm Phạm là Bôn-nỗ-li-ca-hoa 本弩哩迦花. đời Đường gọi là hoa sen trắng, hoa sen này trắng như tuyết, như màu vàng bạc tỏa sáng, người ta ngửi rất thơm, cũng có nhiều hoa, lớn mọc trong ao rộng kia, người thế gian không có. Âm nô 奴 là âm nô nhã 奴雅.

Tỷ Độ (比度). Ngược lại âm tỳ nhị 卑弭. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: So sánh các loại. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ là So sánh giống như là trao đổi. Ngược lại âm dưới là đường lạc 唐洛. Giả Quỷ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Độ là đánh giá. Chữ giả tá.

(Quyển 319, 320, 321 ba quyển trên đều không có âm để giải thích.)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 322

Đông dũng (蛹東). Ngược lại âm dung thũng 容腫. Thấy trước

năm mươi hai ở quyển đã giải thích rồi.

Chiên Đàn Hương (梅檀香). Tiếng Phạm là Bạch đàn hương 白檀香. Ngược lại âm trên là chi nhiên 之然. Ngược lại âm dưới là đường lan 唐蘭. Đây gọi là mùi thơm phát ra từ biển Nam Hải, có hai loại, đỏ và trắng. Hoa màu đỏ như trên đã giải thích. Dưới đây trong kinh nói có tên của loài hoa thơm. Như quyển trước đã giải thích đầy đủ rồi.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 323

Hữu sí (有翅). Ngược lại âm trên là thí chí, Thuyết Văn nói là cánh chim từ tiếng của chi vũ, hoặc đồng với chữ thiên Đãng: Âm trên là thiên 篇. Âm dưới là đương lãng 當朗. Hà Yến giải thích rằng: Đãng là tộc loại. Khổng An Quốc chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Tương trợ. Nặc (匿) chẳng phải gọi là đãng. Lục Thao cho rằng: Bận bề, gọi là bằng hữu, gọi bằng tức là đãng. Sách Chu Lễ cho rằng: Năm trăm nhà là một đãng.

Tỷ muội (姊妹). Ngược lại âm trên là tư thử 咨此. Âm dưới là mỗi bối 每背. Bạch Hồ Thông cho rằng: Tỷ là phóng túng, thoải mái. Muội (妹) là mạt (末) là ngọn. Nghĩa là lấy cái trước sau tôn ty thứ lớp. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Người con trai gọi người con gái là muội, tức anh gọi em gái là muội. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ nữ 女 thanh tỷ. Âm thị thị là âm tư tử 茲死. Chữ muội 妹 là chữ mạt 末.

Quý Phạm (軌範). Ngược lại âm câu vi 俱葦. Ngược lại âm dưới là phàm ảm 凡黯. Xem quyển bốn mươi ba ở trước đã giải thích rồi.

Tà hạnh (邪行). Ngược lại âm trên là tịch sa 夕磋. Âm dưới là hạnh 幸. Trong Đại Luận cho rằng: Là m trái với Chánh giáo, tin theo tà nguy, gọi là năm thứ lửa thiêu đốt, thân giữ giới gà chó, không có lợi ích, không cần khổ gọi là tà hạnh. Lại nữa là m việc sai quấy, đối với dâm dục lấy vợ người khác là m vợ mình đó là chẳng phải thời lấy chẳng phải đạo là m đạo để theo gọi là tà hạnh.

Ly gián (離間). Ngược lại âm trên là lực tri (力知). Âm dưới là cách hạn 革限.

(Quyển 324 không có âm để giải thích.)

**KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 325**

Phiến-đệ-bán-trạch-ca (扇棣半擇迦. Âm đệ ngược lại âm lặc gia 勒加. Trong kinh viết bố là chẳng thành chữ. Âm ca 迦 ngược lại âm cương khư 薑祛. Là tiếng Phạm, đời Đường dịch là huỳnh môn 黃門. Loại người này có năm thứ. Như trong Tỳ Nai Da Đại Luật có nói rộng. Nay Ký lược tụng cho rằng: chính là thiên, kiền, đố, biến, bán.

Ám á 唵啞. Ngược lại âm trên là ẩm kim 飲今. Thuyết Văn cho là Không có thể nói được. Chữ ám giống như là không có tiếng. Ngược lại âm dưới là ô giả 烏賈. Trước quyển thứ nhất đã giải thích chữ viết đều từ bộ tật. Ngược lại âm nữ ách 女厄. Từ bộ viết 口 chữ 啞 á này là chẳng đúng.

Luyện tích điều giản đoản lậu do dự (攀躄癩癩短陋猶豫.) quyển một trăm tám mươi ở trước đã giải thích rồi.

**KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 326**

Xú Uế (臭穢). Ngược lại âm trên là xương chú 昌咒. Thuyết Văn cho là loài thú chạy ngửi mùi mà biết dấu vết đường về, đó là loài chó. Chữ viết từ bộ khuyến 犬 đến bộ tự 自, âm tự 自 là cổ viết ty 鼻 là lỗ mũi, là chữ tượng hình. Nay văn thông dụng viết từ bộ tử 死 viết thành chữ ty 畀 này là chẳng đúng. Ngược lại âm dưới là uy vệ 威衛. Văn Ngọc Thiên cho rằng: Uế là không sạch sẽ, trong sạch. Vận Anh Tập cho rằng: Uế là xấu ác, hoặc từ bộ thực 食 viết thành chữ uế nghĩa là uống nước dơ. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ hòa thanh tuế 歲.

Cấu ni (垢膩). Ngược lại âm trên là cổ khẩu 古口. Cổ Dã Vương cho rằng: Cấu (垢) là không sạch sẽ. Thuyết Văn cho là là nước đục dơ. Ngược lại âm dưới là ni trĩ 尼稚. Thuyết Văn cho: Nị (膩) là béo ngậy. Chữ viết đúng xưa nay từ bộ nhục 肉 thanh nị 貳.

Kỹ sắt (蟻蝨). Ngược lại âm trên là cơ nghi 機擬. Vận Anh Tập cho rằng: sắt 蝨 là trứng của loại ký sinh trùng. Ngược lại âm lỗ quản 魯管, là chữ tượng hình. Ngược lại âm dưới là sở ất 所 乙. Thuyết Văn nói chữ 蝨 sắt là viết từ bộ sắt 九 đến bộ trùng 虫虫. Văn thông dụng viết chữ 虱 sắc là chẳng phải âm sắc, là âm 信 tín. Âm trùng 虫虫 là

âm côn 昆.

Ma huỳnh (磨螢). Ngược lại âm vinh hồi 榮迴. Vận Anh Tập cho rằng: Là lau chùi. Tự Thư cho là Ngọc mài nhỏ gọi là huỳnh 螢, là sáng óng ánh, hoặc viết chữ huỳnh 榮 này.

Bất tuần (不徇). Ngược lại âm trên là tuần tuấn 旬俊. Tập Huấn Truyện cho rằng: Lấy vật từ hân gọi là tuần 徇. Theo Hiếu Thanh cho là quay về. Sách Thượng Thư cho là Chạy theo. Thuyết Văn cho là Rất mau. Chữ viết từ bộ nhân 人 thanh tuần 旬, hoặc viết tuần 徇 cũng thông dụng.

Giao triệt (交徹). Ngược lại âm triển liệt 纏列. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Triệt là thấu suốt. Trịnh Huyền chú giải sách Luận Ngữ: Cũng cho là thông suốt. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Là đạt tới nơi. Thuyết Văn rằng: Chữ viết từ bộ xước thanh phộc dục (支谷). Theo văn thông dụng viết từ bộ khứ 去 là chẳng đúng. Âm xước ngược lại âm sừ xích 丑尺. Âm phộc phổ bốc 普卜.

Tân toan (辛酸). Ngược lại âm trên là tín tân 信津. Khảo Thanh cho rằng: Tân (辛) là mùi vị ớt cay. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ nhị 二 đến bộ tân là âm tội 罪. Ngược lại âm thừa canh 丞庚. Giống người cúi xuống. Ngược lại âm lộng quan 隳官. Thuyết Văn cho: Toan (酸) là rót rượu mời. Chữ viết từ bộ酉 ậu thanh toan. Âm toan là âm tuần, hoặc viết toan 酸 nghĩa là đau khổ.

Chiết phục (折伏). Ngược lại âm trên là chương phục 章熟. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: chiết (折) là bẽ gãy, đứt lìa ra, gọi là đoạn ngục. Quảng Nhã cho là Bẻ cong lại. Chữ chánh xưa nay từ bộ thủ 手 thanh cân 斤. Ngược lại âm dưới là bằng phúc 馮福. Hiếu Thanh cho rằng: Khuất phục, chịu theo. Thuyết Văn cho: Phục (伏) là hầu hạ, là con chó theo hầu hạ người, tức là phục 伏. Cho nên gọi là theo người. Chữ viết từ bộ khuyển 犬, là chữ hội ý.

Dẫn đoạt (引奪). Ngược lại âm dĩ nhẫn 以忍. Chí Đồ chú giải Tả Truyện cho là người dẫn đường. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Duỗi thẳng ra. Thuyết Văn cho là Mở dây cung. Văn cổ viết từ bộ nhân 人 viết dẫn 引, hoặc viết từ bộ thủ 手 viết thành dẫn, là chữ hội ý. Ngược lại âm dưới là đồ hoạt 徒活. Hiếu Thanh cho rằng: Đoạt là cướp mất. Theo Tự Thư cho rằng: Tay giữ lấy một con chim, sợ bay mất gọi là đoạt 奪. Chữ viết từ bộ đại 大 bộ 隹 truy, bộ hựu 又. Theo Thạch Kinh từ bộ thốn 寸 viết thành chữ đoạt 奪. Văn cổ viết là đoạt 斂. Hai chữ tượng hình. Trong kinh viết từ bộ lục 六 viết thành đoạt 奪

này là chẳng đúng.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 327

Đường thọ (唐壽). Ngược lại âm đồ tức 徒即. Cố Dã Vương cho rằng: Chữ đường 唐 viết từ bộ canh 庚. Theo Tự Thư cho là hư tự. Thuyết Văn cho rằng: Từ bộ canh 庚 đến bộ khẩu 口. Ngược lại âm dưới là thù trừu 酬帚. Tiếng địa phương cho rằng: Thọ là nhiều, đầy đủ, chứa nhận. Thuyết Văn cho rằng: Giao cho, đưa cho. Chữ viết từ chữ thọ đến chữ chu 舟 vẫn tỉnh 省. Chữ giải thích theo đùa nghịch là rằng: Là trên dưới giao phó cho nhau, chữ 冂 là chỗ nhận lấy vật. Hoặc gọi là từ bộ cân 巾, tỉnh 省. Âm thọ ngược lại âm phi biểu 披表.

Kịch khổ (劇苦). Ngược lại âm cừ nghịch 渠逆. Ngược lại âm dưới là khô cổ 枯古. Trong quyển thứ chín trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Kiểu trá (矯詐). Ngược lại âm kiều yêu 矯夭. Cố Dã Vương cho rằng: Giã dạng gọi là kiểu 矯. Tự Thư cho rằng: Lừa dối. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh kiều 喬. Trong văn kinh viết từ bộ thủ 矢 viết thành 矯 kiểu này vẫn thường dùng là chẳng đúng chánh thể.

Tạm xả (暫捨). Ngược lại âm tạm lạm 暫濫. Văn thường dùng, chữ chánh thể viết từ bộ nhật 日 viết là tạm 暫. Quảng Nhã cho là tạm thời trong chốc lát. Vận Anh Tập cho là Chọn thời gian ngắn nhất. Thuyết Văn cho là Không lâu. Chữ viết từ thanh trảm 斬.

Kỹ nghệ (技藝). Ngược lại âm cừ ỷ 渠綺. Thuyết Văn cho là Khéo tay. Chữ viết từ bộ thủ 手. Trong văn kinh viết từ bộ nhân 人 là sai. Ngược lại âm dưới là nghệ kế 霓計. Sách Chu Lễ cho rằng: Sáu nghệ: Lễ, nhạc, thư, số, xạ, ngự.

- Lễ là nghi hành lễ
- Nhạc là tấu nhạc
- Thư là viết, họa
- Số là tướng số
- Xạ là bắn cung, tên, bắn súng.
- Ngự: Điều khiển xe ngựa, cỡi ngựa.

Cố Dã Vương cho rằng: Nghệ giống như tài. Đỗ Dự cho rằng: Nghệ là phương pháp chế ngự. Tự Thư cho rằng: Nghệ là tài năng, năng lực. Chữ viết từ bộ vân 云 thanh nghệ 執. Âm nghệ đồng với âm trên.

Tà mạng (命邪). Ngược lại âm trên là tịch sa 夕磋, chữ mượn dùng. Thuyết Văn cho là Chữ đúng thể viết là tà 斜 từ bộ 依 thanh nha 牙. Trong sách viết lược bớt đi chữ tà 斜. Nghĩa là đừng có nghi. Cố Dã

Vương cho rằng: Tà giống như người đàn bà ác. Trong kinh cho rằng: Tà mạng là là m việc không đúng, là siểm nịnh, nịnh hót, để cầu danh lợi, là m nghề bằng tứ khẩu, lấy tự cầu để sinh sống, gọi là ngược lên trời xem tinh tú, giống như cây ruộng, trồng trọt. Xem bốn hướng khiến cho mạng chú phục quĩ thân, đây là bốn nghề nghiệp gọi là tà mạng.
(Quyển 328 không có âm để giải thích.)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 329

Đam dục (耽慾). Ngược lại âm đáp cam 答甘. Quyển 53 trước đã giải thích đầy đủ.

Kỳ khế (期契). Âm trên là kỳ 其. Tự Thư cho rằng: Lộ trình có kỳ hạn. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Kỳ là tụ hội. Thuyết Văn nói giải thích cũng đồng. Chữ viết từ bộ nguyệt thanh kỳ 其.

Hệ niệm (繫念). Ngược lại âm câu nghệ 俱詣. Quyển ba trăm lẻ bốn ở trước đã giải thích đầy đủ rồi.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 330

Thôi trưng (推徵). Âm trên là xuy 吹. Âm dưới là trắc lãng 陟陵. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Trưng là đưa ra bằng chứng. Thuyết Văn cho rằng: Phàm kẻ sĩ ngày xưa đi đến trưng cầu mà nghe triều đình lệnh vua phán quyết, tức là trưng 徵, là đi đến. Cho nên chữ viết từ bộ nhậm 壬 đến bộ vi 微 thanh tỉnh 省. Âm nhậm 壬 ngược lại âm thể dĩnh 體郢.

Tiêu chú (焦炷). Ngược lại âm chu dụ (朱喻) Xưa viết là chú 澍, hoặc viết là chú 注. Các chữ trong sách đều không có chữ này. Chữ chú 炷 này trong kinh dịch sửa đổi lại viết có bộ thủy. Thành ra bộ hỏa, viết là chú 炷, là chữ tượng thanh.

Toan đáp (酸答). Ngược lại âm dưới là đương nạp 當納. Vận Anh Tập cho là Đối đáp. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thảo 草 thanh hợp 合. Văn cổ viết từ bộ viết 日 đến chữ hợp 合, viết thành chữ đáp 答.

Nay không theo cách viết bộ thảo 草 trong sách mà biến thể đi bộ 艸 ở trên mà viết đáp 答. Nghĩa là rơi rụng, khiến cho mỏng đi v.v....

Tệ hoại (敝壞). Ngược lại âm trên là tỳ duệ 毳袂. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tệ là lâm vào hoàn cảnh khó khăn khốn đốn, cũng là kém cỏi, thiếu thốn, rách nát. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: Cực kỳ khổ sở. Tự Thư cho là Thua, thất bại, bỏ chạy. Thuyết Văn cho rằng tê, nghĩa là áo rách. Chữ viết từ bộ cân 巾. Giống như cái áo rách tệ hại. Ngược lại âm dưới là hoài hội 懷贖. Hiếu Thanh cho rằng: Hủy hoại phá bỏ, phá diệt. Thuyết Văn cho rằng: Là thua. Chữ viết từ bộ thổ 土 thanh hoài 裹, hoặc là viết là hoại 壞. Chữ cổ. Âm hội 贖 ngược lại âm ngô quái 吾怪.

Tiêu tụy (憔?) Ngược lại âm trên là tình diêu 情遙. Âm dưới là tường toại 牆遂. Vận Anh Tập cho rằng: Tiêu tụy là dáng gầy ốm, xấu xí, hoặc là viết từ bộ tâm 心 viết thành chữ tiêu tụy 憔? này cũng đồng nghĩa.

Phạp tiên (乏僊) Ngược lại âm trên là phàm pháp 凡法. Theo văn Tả Truyện nói rằng: Là m trái với cái đúng gọi là phạp. Ngược lại âm dưới là tức thiếu 息淺, hoặc là viết ? tiên này. Theo Tập Huấn Truyện cho là Hiếm, ít. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ 是 thị viết thành chữ tiêu 俏 thanh thiếu 少, hoặc là viết chữ tiên 鮮 này cũng đồng nghĩa.

Thô khoáng (犗獷). Ngược lại âm trên là thương tô 倉蘇. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Thô là sơ sài. Quảng Nhã cho là ác, xấu ác. Thuyết Văn nói chữ viết từ ba bộ lộc 鹿. Ngược lại âm dưới là hồ mãnh 琥猛. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Giống như con chó hung tợn, hung ác, không thể gần gũi. Cho nên chữ viết từ bộ khuyển 犬 là đúng. Trong kinh viết khoáng 礦 bộ thạch 石 là sai vậy, chẳng phải nghĩa này.

Bỉ lý (鄙里). Ngược lại âm trên là bi mỹ 悲美. Xem bài tựa ở trước đã giải thích rồi. Âm dưới là 里 lý. Thiên Thương Hiệt cho là Ấp ở ngoài Thành vùng xa của Kinh đô quốc gia. Thuyết Văn cho rằng: là Tên Đình Nam Dương. Chữ viết từ bộ 邑 ấp thanh 里 lý. Trong văn kinh viết 俚 lý này. Thuyết Văn cho là tạm thời. Quách Phác chú giải tiếng địa phương rằng: Cầu thả, chẳng phải nghĩa ở đây dùng.

Khối đẳng (塊等). Ngược lại âm khô ngoại 枯外. Nghĩa đồng đất, hoặc là viết khối cũng đồng.

Giải đãi (懈怠). Âm trên là giới 戒, giải là mỗi một. Âm dưới là 待 đãi. Đãi là rơi rớt xuống.

Lại đọa (懶?). Ngược lại âm trên là lặc ǎu 勒 懶. Hiếu Thanh cho

là không chuyên cần. Thuyết Văn cho là giải đãi, biếng nhát. Chữ viết từ bộ nữ 女 thanh lại 賴. Chữ lại 賴 từ bộ phụ 負 thanh lạc. Trong văn kinh viết từ bộ tâm 心 viết lại 懶, tuy cũng dùng nhưng sai, không có thông dụng. Ngược lại âm dưới là đồ ngoạ 徒 ?. Quảng Nhã cho rằng: Đọa lại là biếng nhát, rơi tốt, hời hợt. Thuyết Văn cho là không có cung kính. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh đọa. Xưa viết là đọa.

Phụ phụ (阜阜). Ngược lại âm trên là đô hồi 都迴. Hiếu Thanh cho là Nơi vùng đất cao, chỗ tụ tập đông đảo, gọi là bến tàu. Tập Huấn Truyện cho là nơi gò đất cao. Thuyết Văn cho là gò đất nhỏ. Thuyết Văn cho là Vùng đất ở kinh thành tụ hội đông đúc. Chữ viết từ bộ phụ 阜 đến bộ thanh truy 隹. Hoặc viết từ bộ thổ 土 viết thành đồi 堆, cũng đồng nghĩa. Trong văn kinh viết đồi 堆 này cũng là văn thông dụng thường dùng. Âm ngôi 隗. Ngược lại âm ngũ 𤝵 猥. Âm dưới là phụ 阜 là âm phụ 負. Nhĩ Nhã cho rằng: Nơi cao mà bằng phẳng, gọi là đại lục 大陸, mà lục gọi là phụ 阜. Quảng Nhã cho rằng: Đại lục. Thuyết Văn nói cũng gọi là Đại lục, là nơi vùng đất cao mà không có đá. Chữ tượng hình viết phụ 阜, giải thích tên gọi là vùng đất cao đầy.

Cấu khanh (溝坑). Ngược lại âm trên là cổ hậu 古候. Sách Chu Lễ cho rằng: Nước chảy thông suốt gọi là 溝 câu. Theo Giai Uyển Chu Tông cho rằng: Cống rãnh trong thành áp để thông nước chảy ra. Thuyết Văn cho rằng: Nước chảy theo đường cống rãnh, rộng mà sâu, mỗi ống cống bốn thước. Chữ viết từ bộ thủy thanh 菑 câu. Âm 菑 ngược lại âm cổ hậu 古候. Âm dưới là khổ canh 苦耕. Nhĩ Nhã cho rằng: Chợ trong thôn là ng. Quách Phác chú giải rằng: Cái ao bao quanh thành. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Cái hang sâu, biển lớn, vực sâu. Thuyết Văn cho là Cửa ải. Giải thích chữ cổ, nay giải thích đúng viết từ bộ thổ 土 thanh khanh. Âm khanh là âm cương 岡.

Chu ngột (侏扠). Ngược lại âm trên là tri du 知榆. Theo Hiếu Thanh cho rằng: Chặt bỏ cây dư. Thuyết Văn cho là Rễ cây. Chữ viết từ bộ mộc 木 thanh chu 朱. Ngược lại âm dưới là ngũ cốt 五骨. Vận Anh Tập cho rằng: Cây không có cành gọi là ngột 杙. Chữ trong sách viết là chu 株, hoặc viết là ngột 兀 cũng đồng.

Kinh cức (荊棘). Ngược lại âm trên là cảnh ngưỡng 景仰. Quảng Nhã cho rằng: bụi cây có gai, có hai loại trang kinh và mạn kinh. Trang kinh là cây có gai mọc dài, có gai. Mạn kinh là loại dây leo, hai loại khác nhau. Có loại thân lớn màu đỏ, thật chỉ có cây trang kinh mà thôi, và cây có gai này chỉ mọc ở trên núi. Quảng Châu ký chép: Là cây mai, nạt huyền, xuất xứ từ cây gai kim. Thuyết Văn cho là bụi cây gai. Chữ

viết từ bộ thảo 草 thanh hình 刑. Ngược lại âm dưới là cạnh lực 競力. Tiếng địa phương cho rằng: Giữa sông giang, Hoài phàm loài cây cỏ có gai là m người ta bị thương đều gọi là cức. Thuyết Văn nói là bó cây gai, mọc um tùm, có gai gốc. Chữ viết từ hai bộ cức 棘 đều nhau. Trong văn kinh viết từ hai bộ thái 采 là chẳng đúng.

Bình thản (平坦). Ngược lại âm tha đăn 他但. Quảng Nhã cho rằng: Bình thản là bằng phẳng. Vương Bật chú giải sách Chu Dịch rằng: Thản (坦) là bằng phẳng, không có biên ải nguy hiểm. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thổ 土 thanh đản 旦.

Luyện trước (戀著). Ngược lại âm lực tích 力脊. Hiếu Thanh cho rằng: luyện là suy nghĩ. Theo sách Sử Ký cho là nhớ. Thuyết Văn cho rằng: Đứng tựa cửa trông ra xa. Chữ chánh xưa nay cho rằng: quan hệ. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh luyện. Âm luyện ngược lại là âm lực duyên 力緣. Trong văn kinh viết từ bộ nữ 女 viết thành chữ luyện 變 cũng thông dụng.

Sát Đế Lợi (刹帝利). Trên là chữ sát 刹. Theo tương truyền rằng: trong sát vận vốn, không có chữ này. 刹 là chữ thanh đọc sai, sách viết lầm. Người xưa dịch kinh dùng chữ 刹 sát này, âm sát 刹 ngược lại âm sơ tiết 初櫛. Lấy âm Phạm. Sau này người phiên dịch kinh đem âm sát 刹 này là m âm 察 sát, nó cũng tương cận, từ đó lần lần biến thể. Trong sách sắp xếp có sai lầm. Đây là câu văn của tiếng Phạm. Không đối địch nhau. Ngữ nghĩa phiên dịch rằng: Trải qua nhiều triều đại Vua, trong các triều đại đó cũng tùy theo phúc đức và trí tuệ vượt xa hơn của các bậc tiền bối. Tức là gây dựng nên nghiệp đế vương, vì vậy mà cho rằng nhân dân phải phục tùng theo.

Bà La Môn (婆羅門). Là tiếng Phạm, là tên cõi Phạm Thiên. Đời Đường gọi là Tịnh hạnh, hoặc gọi là Phạm hạnh. Loại người này tự xưng rằng Bốn ngã, là vị Tổ đầu tiên từ miệng Phạm Thiên sanh ra, bèn lấy Phạm là m họ, đời đời tương truyền cho nhau, phải học bốn kinh luận Vệ-Đà, đều là bác thức đa tài, thông suốt nhàn nhã. Trong Luận chúng phần nhiều là m Vua, hoặc là m thầy truyền Cao đạo, không có những kẻ học sĩ nào, hoặc là cầu Tiên Trường Thọ nuôi dưỡng, có khi cũng chứng được năm pháp Thần thông của vị Tiên đó.

Phệ xá (吠舍). Xưa dịch tỳ-xá 毘舍 là sai. Đây là gọi những người giàu có đa tài, thông suốt. Ở những nơi cao quý, hoặc gọi là những nhà thương buôn, chuyên buôn bán các loại hàng hóa, trải qua nhiều nước khác, chứa nhiều tài vật của báu, trong chứa châu báu, hoặc xưng là Trường giả, hoặc gọi là được Vua ban cho đất đai.

Thú Đạt La (戍達羅). Xưa gọi là Thủ-Đà-Lược 首陀略 là không đúng. Đây gọi là họ của những người là m nghề cày ruộng, khai khẩn đất đai, chọn lựa nơi trồng trọt, những người này phải nộp thuế cho Vua, Quan. Phần nhiều là thường dân, đều là nông phu, cô quả. Đối với bốn học có học thức, thuộc về hạ đẳng.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 331

Noãn sanh (卵生). Ngược lại âm trên là loan quản 鸞管. Thuyết Văn cho là Phàm loài vật không có vú mà sinh ra gọi là Noãn sanh (卵生). Tức là sinh ra trứng, là chữ tượng hình. Văn cổ viết là noãn 卵, trong Tiểu Triện viết noãn 卵. Theo lệ sách viết noãn 卵 này.

Bất cố (不顧). Âm 固 cố, Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Cố (顧) là nhìn xem. Quảng Nhã cho là hướng đến. Từ Thư cho là Nhớ nghĩ. Thuyết Văn cho là Nhìn lại. Chữ viết từ bộ hiệt 頁 thanh cố 雇. Âm hiệt (頁) là âm hiệt 韻 này. Âm cố 雇 là âm cố 固.

Biến dịch (變易). Ngược lại âm binh biện 兵汭. Giả Quì chú giải sách Quốc ngữ là thay đổi. Trong Luận Duy Thức cho rằng: Lúc thay đổi hình chất gọi là biến 變. Trong Thuyết Văn nói đồng Quốc Ngữ chữ viết từ bộ phộc thanh biến. Âm dưới cũng Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư là sửa đổi. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ cho rằng: Biến dịch là khác đi. Thuyết Văn cho là là con rắn mối lột da, ở trong nhà gọi là Thủ cung, ở ngoài ao gọi là tích dịch, tức là con rắn mối, là chữ tượng hình. Một gọi là ngày và tháng là khác nhau. Phàm là chữ có chín nghĩa mới hết. đây là chữ hội ý.

Đoản xúc (短促). Ngược lại âm trên là đô quản 都管. Âm dưới là thủ dục 取欲. Quảng Nhã cho: Xúc (促) là đẩy tới gần. Trịnh Tiễn chú giải sách Chu Lễ cho là Mau chóng. Thuyết Văn cho là cấp bách, gấp rút.

Đàm bệnh (痰病). Ngược lại âm trên là Đường Nam 唐男. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Cái màng ngăn trong ngực có nước gọi là bệnh. Trong văn kinh ghi chữ đàm 淡 này là chẳng đúng. Chữ này là khứ thanh không có nghĩa gì hết, người viết lầm.

Khắc già (克伽) là tiếng Phạm, ngược lại âm trên là ngưng đẳng 凝等. Ngược lại âm dưới là ngư khứ 魚祛, là tên một vị sông thần ở

Tây Thiên-trúc. Trong kinh Niết-bàn cho là Nữ thần sông Hằng.

Thiên phú (偏富). Âm trên là thiên 篇. Âm dưới là phương vụ 芳務. Nghĩa là che đậy.

Nhất song (一雙). Chữ viết từ hai bộ chuy 隹 đến bộ hựu 又. Trong kinh viết từ bộ văn 文 là đúng.

Thực chúng (植眾). Ngược lại âm thừa chức 承職. Trong Toán Vận Tập cho rằng: Thực (植) là trồng trọt. Tiếng địa phương cho là đứng, thẳng, cây đứng thẳng. Thuyết Văn cho là Hộ thực, (nhà trồng cây). Chữ viết từ bộ mộc 木, thanh trực 直, hoặc viết là thực 植 này cũng đồng.

Hồng bích (紅碧). Ngược lại âm trên là (? 公) Thuyết Văn cho là màu trắng hồng. Ngược lại âm dưới là binh kích 兵戟. Thuyết Văn cho là Loại đá đẹp. Chữ viết từ bộ ngọc 玉 đến bộ thạch 石 thanh bạch 白. Quảng Nhã cho là Viên ngọc màu trắng xanh.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 332

Kỹ thuật (技術). Ngược lại âm thuần luật 純律. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Thuật là phương pháp. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Là nghệ thuật, nghề nghiệp. Thuyết Văn cho là Thuật là con đường, chữ viết từ bộ hành 行, thanh thực. Âm thực ngược lại âm trì luật 馳律.

Hiểm nan (險難). Ngược lại âm hương kiểm 香檢. Thuyết Văn cho là Cản trở, khó khăn. Chữ viết từ bộ phụ 阜, thanh kiểm. Trong văn kinh viết từ bộ sơn 山 viết thành chữ kiểm này là chẳng đúng.

Tiềm phục (潛伏). Chữ 潛 hãy xem trong bài tựa đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới là phụ phúc 輔腹. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Phục 伏 là ẩn bên trong. Quảng Nhã cho là giấu kín. Thuyết Văn cho là Hầu hạ, là con chó hầu của người chủ. Chữ viết từ bộ nhân 人 đến khuyển 犬 là chữ hội ý.

Kinh hoàng (驚惶). Ngược lại âm trên cảnh anh 景英. Nhĩ Nhã cho rằng kinh là sợ hãi. Quảng Nhã cho rằng: Kinh là nhảy chồm lên. Thuyết Văn cho là con ngựa sợ hãi. Chữ viết từ bộ mã 馬 thanh kính 敬. Âm dưới là hoàng 黃. Theo Tập Huấn Truyện cho lo sợ. Thuyết Văn cho là hoẵng sợ. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh hoàng 皇.

Oan gia (怨家). Ngược lại âm trên là uyển viên 苑袁. Khảo Thanh cho là ghét, hiềm khích. Tự Thư cho rằng: Cừ thù với nhau. Thuyết Văn cho: Chữ viết từ bộ miên 冫 thanh oán 怨, hoặc viết là oán 冤. Trong kinh viết chữ oán 怨 này là chẳng đúng.

Kiến sí (堅翅). Ngược lại âm thí chí 施至. Khảo Thanh cho là cánh của con chim. Cũng viết là thị sí (是翅).

Cao tường (翱翔). Ngược lại âm trên là nga cao 俄高. Âm dưới là tượng dương 象羊. Trịnh Tiễn chú thích là tường do. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện cho rằng: Cao cũng giống như tiêu diêu, bay lượn, liêng. Theo Hàn Thi Truyện cho là du ngoạo. Nhĩ Nhã cho là Chim bay cao. Thuyết Văn cho là Bay đảo vòng. Đều là chữ tượng hình.

Câu ngại (拘礙). Âm trên là câu 俱. Vận Anh Tập cho rằng: Nắm giữ chặt. Khảo Thanh cho là hạn cục vọ cục lại. Thuyết Văn cho là Dừng lại. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh cú 句.

Xạ thuật (射術). Ngược lại âm trên là thời dạ 時夜. Thuyết Văn cho là Ở trong thật xa. Chữ viết từ bộ thân 身 đến bộ thủ 矢. Theo Tiểu Triệu viết từ bộ thốn 寸 viết thành xạ 射. Thuyết Văn cho rằng: Vượt qua được một tắc pháp. Thốn (寸) cũng là tay.

Tiền hoạt (箭活). Ngược lại âm tiên duyên 煎緣. Văn thường hay dùng, chữ chánh thể viết tiền từ bộ trúc 竹 đến bộ chỉ 止 đến bộ chu 舟. Tế Ung viết cộng thêm bộ đao 刂. Ngược lại âm cổ ngoại 古外. Nghĩa là cây đao dưới nước có thể đi thuyền mà lấy. Về sau vì viết bộ thảo 草 biến thành bộ chỉ 止, bộ chỉ 止 biến thành bộ chu 舟, bộ chu 舟 lại thành bộ nguyệt 月, từ bộ nguyệt 月 biến thành bộ đao 刂 là bộ đao 刀 này, dần dần là sai lầm. Khảo Thanh cho là Chữ tiền vốn từ bộ trúc 竹. Theo

chữ trúc này là lá của nó giống như lá thông mọc cao, năm sáu thước, thân nhỏ có sức rất mạnh, vĩa lại thật sự có thể là mũi tên. Âm khả 可 ngược lại âm thiên thả 千且. Bởi tên là thủ 矢 tức là mũi tên. Cho nên Thuyết Văn cho rằng: Tiền là mũi tên. Chữ viết từ bộ trúc 竹 thanh tiền 前. Ngược lại âm dưới là Khang hoạt 康活. Khảo Thanh cho là mũi tên. Theo chữ tiền hoạt 箭活 đó, nghĩa là nhận từ cái miệng của dây căng

cây cung. Theo văn kinh chữ viết từ bộ thủy 氵 đến bộ hoạt 活 cũng thông dụng. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ trúc 竹 đến chữ hoạt thanh tỉnh 省. Âm hoạt đồng âm Khang hoạt 糠活. Âm kinh 剉 là âm kính 逕.

Ngưỡng thĩ (仰矢). Ngược lại âm 食亦 thực diệc. Tự Thư cho rằng: Phát mũi tên ra trước, là bắn mũi tên ra phía trước. Âm thĩ là âm thủ 矢, văn thường hay dùng viết thủ 矢 này.

Hy hữu (希有). Ngược lại âm hư y 虛依. Nhĩ Nhã cho rằng: Hy là

ít, hiểm có. Dương Tử Pháp cho rằng: Gắn sát, nghiên cứu. Trong văn kinh viết rằng: Thường là m lau chùi sạch sẽ. Hy 希 là chữ cổ.

Tứ đảo (四倒). Âm đảo 到. Vận Thuyên Tập cho rằng: Điên đảo. Tứ đảo (四倒) Kinh Niết-bàn chép: Vô thường chấp là thường, vô lạc chấp là lạc, vô ngã chấp là ngã, vô tịnh chấp là tịnh, tên là bốn đảo.

Cuồng tặc (狂賊). Ngược lại âm cù vương 劬王. Ngọc Thiên cho rằng: Cuồng (狂) là ngu xuẩn. Theo Hiếu Thanh cho là Vội vàng, nôn nóng, rồ dại, không có luân lý. Thuyết Văn cho là Chữ viết cuồng 狂, hoặc viết từ bộ tâm 心 viết cuồng tích 狂惜, từ bộ 犬 khuyển thành cuồng 狂. Ngược lại âm dưới là tàng tặc 藏則. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Nghĩa là tàn hại, giết hại, là m hại gọi là tặc (賊). Thuyết Văn cho là kẻ trộm, phá hoại, là m hỏng nát, tan nát. Chữ viết từ bộ qua 戈, đến bộ đao 刀, đến bộ bối 貝. Nay văn thông dụng viết chữ nhưng 戎 tặc này là sai, chẳng phải chánh của thể chữ.

Nhất hạng (一巷). Ngược lại âm hành giáng 行降. Theo Mao Thi Truyện cho là Ở giữa con đường. Sách Sử Ký cho rằng: Con đường lâu dài đó ở trong thôn ấp, và ở trong nội cung, là đường nhỏ. Thuyết cho rằng: Chữ viết từ hai bộ đến bộ ấp (邑) cộng 共 viết thành chữ 衞 hạng. Theo Lê sách viết lược bớt đi.

Dư ương (餘殃). Ngược lại âm ư cương 於薑. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Ương (殃) là tai họa. Quảng Nhã cho là tội lỗi. Thuyết Văn cho là Hung tợn. Chữ viết từ bộ ngạt 歹, thanh ương 央. Âm ngạt 歹 là âm tàn 殘.

Mị trước (魅著). Ngược lại âm mi bí 眉秘. Hiếu Thanh cho là quỷ thần, là yêu quái. Thuyết Văn cho là Vật tinh quái lão luyện, hoặc viết là mị 魅. Theo Thanh loại viết mị 魅, văn thường viết mị 魅. Ngược lại âm dưới là trì lược 持略. Chữ viết từ bộ thảo 草 đến bộ giả 者.

Độ lượng (度量). Ngược lại âm đường lạc 唐洛. Ngược lại âm dưới là lược khương 略薑. Theo Hiếu Thanh cho rằng: Chữ lượng 量 cũng giống như chữ độ 度, nghĩa là cân lường. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ tâm 心, viết thành chữ độ 度, từ bộ viết 日 viết thành chữ lượng 量. Trong văn kinh viết chữ lượng 量 này, cũng là văn thường dùng. Theo sách Quế Uyển Châu Tông cho rằng: phân ra xem bao nhiêu, dài, ngắn, gọi là lượng 量.

Cuống hoặc (誑惑). Ngược lại âm trên là câu hướng 俱況. Xem quyển ba mươi chín trước đã giải thích.

Hủy tử. Ngược lại âm trên là 暉鬼 huy quỷ. Âm dưới là 茲此 tư tử. Xem quyển bốn hai trước đã giải thích đầy đủ.

Khinh miệt 輕蔑. Ngược lại âm 眠 贅 miên miết. Xem quyển một trăm bảy mươi hai trước đã giải thích đầy đủ.

Trì độn 遲鈍. Ngược lại âm 長 尼 trường ni. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Trì 遲 là hoãn lại, thông thả, chậm rãi, lâu xa. Theo Hiếu Thanh cho rằng: Từ từ. Chữ viết từ bộ 辵 sước thanh trì. Âm 辵 sước ngược lại âm 丑 略 sủ lược. Âm trì là âm 西 tây, từ bộ 尾 vĩ đến bộ 牛 ngư. Trong văn kinh viết từ bộ 尸 thi đến bộ 羊 dương, viết thành chữ 遲 trì, là văn thường hay dùng. Trụ văn viết từ bộ 辛 tân viết thành 遲 trì, hoặc là viết trì là chữ cổ. Ngược lại âm dưới là 豚頓 đôn đốn. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Độn 鈍 là ngu. Vận Anh Tập cho rằng: Loại binh

đao không bén, là loại dao binh khí để đánh trận nó lục, không bén. Thuyết Văn nói chữ từ thanh độn. Âm đôn ngược lại âm 徒 論 đồ luận.

Liêm kiệm 廉儉. Ngược lại âm trên là 力 兼 lực kiêm. Quảng Nhã cho rằng: Liêm là trong sạch không ham của cải. Theo Hiếu Thanh cho rằng: Không tham lam. Tập Huấn Truyện cho rằng: Liêm là gốc nhà, là gốc vuông. Chữ viết từ bộ 广 nghiễm thanh 兼 kiêm. Ngược lại âm dưới là cự nghiêm. Cố Dã Vương cho rằng: Kiệm là tiếc kiệm, đơn giản. Quảng Nhã cho rằng: thiếu thốn. Chữ viết từ bộ 人 nhân thanh kiêm.

Lãng miệt. Ngược lại âm trên là 力 矜 lực căng. Trong văn kinh viết 陵 lãng này là chẳng phải bốn chữ. Quyển chín trước đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới là 眠 贅 miên miết. Trong văn kinh viết 蔑 miệt này là sai viết lược. Chữ viết từ bộ 心 tâm.

Hoặc kiều 或橋. Ngược lại âm 夭 cương yêu. Quyển hai mươi sáu trước đã nói rồi và quyển này ban đầu lại nói. Trong kinh viết từ bộ 矢 thỉ chẳng phải bốn chữ.

Sư phạm 師範. Ngược lại âm trên là 史 緝 sử truy. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Dựng nên vị thầy là để giáo huấn, dạy bảo người khác. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Dạy bảo người là lấy đạo đức để dạy, thế mới gọi là thầy. Mà vị thầy phải chứng được cái pháp gọi là tôn nghiêm, kiêng sợ, mới có thể gọi là thầy. Vị thầy là phải ôn hòa biết những điều mới lại gọi là thầy. Theo Hiếu Thanh cho rằng: Thầy truyền Pháp, lấy Pháp để giáo huấn người khác. Thuyết Văn nói chữ viết từ boả 阜 phụ đến bộ 市 thị, bốn bộ 市 lao chúng đồng ý của sư là . Ngược lại âm dưới là 凡 黯 phàm ám. Trong quyển bốn mươi ba trước đã giải thích đầy đủ rồi.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 333

Ngạo mạn 傲慢. Ngược lại âm trên là 吾告 ngô cáo. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Mạn là lạnh nhạt, thờ ơ. Quảng Nhã cho rằng: Mạn là buông xuôi. Thuyết Văn cho là Dựa vào. Chữ viết từ thanh 敖 ngao chữ 敖 ao. Thuyết Văn cho là Viết từ bộ 出 xuất đến bộ 放 phóng nay vẫn thường hay dùng từ bộ 土 thổ viết thành chữ 敖 ao là sai. Ngược lại âm dưới là 麻辦 ma biện. Quảng Nhã cho rằng: Mạn là trì hoãn. Theo Thanh loại cho rằng: Dựa vào. Thuyết Văn cho là Lười biếng. Chữ viết từ bộ 心 tâm thanh 曼 mạn. Chữ mạn từ bộ 又 hựu, chữ thường hay dùng là sai vạn lần. Âm 辦 biện là âm 白慢 bạch mạn. Âm vạn là âm 慢 mạn là âm 萬 vạn.

Huyền tạp 誼雜. Ngược lại âm 兄袁 huynh viên. Âm dưới là 才合 tài hợp. Xem trước đã giải thích rồi.

Hội nao 憤. Ngược lại âm trên là 公外 công ngoại. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Hội là tâm phiền loạn. Thuyết Văn cho là Cũng là loạn. Chữ viết từ bộ 心 tâm đến bộ 潰 thanh hội 省 tỉnh. Ngược lại âm dưới là 饒效 nao hiệu. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Nhiều người gây nhiều loạn, quấy nhiễu. Vận Anh Tập cho là quấy nhiễu, tạp loạn. Văn nói chữ viết từ bộ thị 市 đến bộ nhân 人. Chữ hội ý. Hoặc là viết náo 鬧, cũng là văn chữ thường dùng. Trong văn kinh viết này là sai, không thành chữ. Âm 饒 là âm ngõa giao 孛交.

Phỉ báng (誹謗). Ngược lại âm trên là phi vị 非味. Âm dưới là bàng lãng 膀浪. Xem quyển một trăm tám mươi một trước đã nói đầy đủ.

La Sát Sa (囉剎娑) là tiếng Phạm, đây là Thần á quỷ. Chữ trên là 逆 nghịch lại phải chuyển lưỡi đọc gọi là dẫn thanh. Kế là sát 剎 âm sát 察. Ngược lại âm dưới là tô hà 蘇何. Đây gọi là nhiều loại quỷ ở trong đảo này, hoặc ở vùng sa mạc đều có, thần thông đạo lực bay đi trong nhân gian. Có thể biến hóa ra cô gái đẹp, dung nghi yêu kiều để mê hoặc, lừa dối người. Thân cận với những vùng địa phương gần đó, để là m hại lừa dối. Chúng ăn những thứ đầm dãi hoặc bắt những loại chim công để ăn. Trong kinh Phật Bốn Hạnh Tập, v.v.. có nói.

(Quyển 334 không có âm để giải thích.)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 335

Vô yểm (無 俺). Ngược lại âm y hãm 伊 餒. Văn nói chữ viết từ bộ khuyển 犬, bộ cam 甘, bộ nhục 肉, bộ tâm 心 là không đủ. Từ bộ cam 甘 đến bộ nhục 肉, bộ khuyển 犬, bộ tâm 心, hoặc viết là yểm 俺. Âm yểm là sai, chữ viết từ bộ tâm 心 là đúng.

Huất nhĩ (? 爾. Ngược lại âm huân luật 熏 律. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Bổng nhiên. Nghiệt Tông cho là nhanh chóng như thần. Thuyết Văn là có chỗ thổi tới nổi dậy. Chữ viết từ bộ khiếm 欠 thanh đạm 淡. Hoặc từ bộ phong 風 đến chữ hốt 忽 viết thành chữ huất.

Khái thán (慨 歎). Ngược lại âm khổ ái 苦 愛, hoặc viết khái 愴 thán 歎, tức là than thở. Bát-nhã cho là Buồn khổm thở than.

Tích tai 惜 哉 âm. Giả Quỷ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Tích (惜) là đau khổ. Quảng Nhã cho là Yêu tiếc. Ngược lại âm dưới là tử lai 子 來. Khảo Thanh cho là thanh để trợ ngữ.

(Quyển 336, không có âm để giải thích.)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 337

Năng thiệu (能 紹). Ngược lại âm trên là nãi đặng 乃 登. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Có nhiều tài nghệ. Quảng Nhã cho là chủ nhiệm. Sách Lễ Ký cho là Khéo léo, hay. Thuyết Văn cho là là con thú, thuộc con gấu, chân giống như con nai. Chữ viết từ bộ chủy 𠂔 trong chữ kiên 堅, cho nên xưng là hiền 賢, nghĩa là có tài năng mà có sức mạnh, cho nên xưng là năng kiệt 能 傑. Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh dĩ. Nay theo Lệ sách viết là năng 能 lần lần sai đi. Chữ dĩ là căn cổ, nay viết chữ dĩ 以 này. Ngược lại âm dưới là thiệu nhiều 韶 遼. Thuyết Văn cho là Thừa kế, hoặc viết thiệu 劬 này. Xem quyển thứ nhất ở trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Bạt hữu (拔 有). Ngược lại âm bạch bát 白 八. Ngọc Thiên cho là Dẫn mà xuất ra, kéo ra. Quảng Nhã cho là Xuất ra. Hiếu Thanh cho là kéo ra, nhổ ra. Thuyết Văn cho rằng: Nhổ, cất lên, cất nhắc. Chữ viết từ

bộ thủ 手 thanh bạt 友, âm bạt 友 ngược lại âm bàn mạt 盤末.

Hiếp thống 齷 痛. Ngược lại âm hư nghiệp 虛 業. Hoặc viết chữ hiếp 脅 này từ ba bộ lực 力. Xem quyển thứ nhất đã giải thích rồi.

Thiết (竊) ngược lại âm thiên kết 千 絜. Đã giải thích đầy đủ rồi.

Chiến lật (戰 慄). Ngược lại âm chí thiện 之 善. Âm dưới là lân nhất 隣 一. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Chiến lật là nguy hiểm sợ

hãi. Quách Phác cho là lo buồn, cảm thán. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ qua 戈 thanh đơn 單, hoặc viết từ bộ tâm 心 viết thành chiến 戰. Văn cổ viết cũng từ bộ tâm 心 thanh lật 栗.

Trúng độc (中 毒). Ngược lại âm trên là tương trung 張 中. Vận Anh Tập cho rằng: Trung (中) là đương thời là chữ giả tá. Ngược lại âm dưới là đồng đốc 同 篤. Thuyết Văn cho là là hại người, ở trong cỏ thường sanh ra những côn trùng độc hại. Âm độc 毒 ngược lại âm viên cái 袁 改. Âm triết 屮 ngược lại âm sữu liệt 丑 列.

Thị kỹ (恃 己). Ngược lại âm thời chỉ 時 止. Hiếu Thanh cho rằng: Thị (恃) là y theo. Vận Anh Tập cho là ỷ lại. Thuyết Văn cho là ỷ lại. Chữ viết từ bộ tâm 心 viết thành chữ thị 恃 thanh tỉnh 省. Âm dưới là kỷ 己, nghĩa là mấy cái trở lên không hợp.

Nhiễu loạn (擾 亂). Ngược lại âm như chiếu 如 沼. Thuyết Văn cho là Phiền não. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh ưu 憂. Âm ưu 憂 ngược lại âm nô cao 奴 高. Trong văn kinh viết từ bộ 憂 ưu là chẳng đúng. Ngược lại âm dưới là loạn đoạn 攪 段. Thuyết Văn nói từ bộ 卮 (乙) thanh loạn.

Tàm quý (慚 媿). Ngược lại âm tàng xá 藏 舍. Ngược lại âm dưới là cư vị 居 位, đều là chữ hình thanh, hoặc viết từ bộ tâm 心 viết thành愧 愧.

Như bộc (如 僕). Ngược lại âm mãn ốc 滿 沃. Theo Tả Thị Truyện cho rằng: người là m quan xứng với Vua là bộc, theo Mao Thi Truyện cho rằng: Bộc là phụ giúp. Sách Lễ Ký cho rằng: Người học trò ở chốn công đường gọi là thần 臣, ở nơi nhà xứng là bộc. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Vị quan coi ngựa, đánh xe ngựa, cũng gọi là người phục dịch thấp hèn, Thuyết Văn cho là Cấp cho là m việc. Chữ viết từ bộ nhân 人 thanh bộc. Âm bộc là âm bốc 卜.

Chùy đã (打). Ngược lại âm trên là giai nhụy. Thuyết Văn cho là Lấy cây gậy đánh gỗ. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh thù, hoặc viết từ bộ trúc 竹 viết thành chùy này. Nghĩa là cây roi quất ngựa, hoặc viết từ bộ mộc viết 木 thành chùy. Nghĩa chùy là cái dùi dùi để đánh. Ngược lại âm dưới là đức biên 德 嬋. Quảng Nhã cho là đánh gỗ. Bì Thương cho

rằng: Đánh bằng gậy. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ thủ 手 thanh 丁, ngược lại âm giang ngoại 江外. Âm 丁 ngược lại âm 挺. Thuyết Văn cho là lầm lỗi.

Lý tiển (履 賤). Ngược lại âm trên là lực kỷ 力几. Hiếu Thanh cho rằng: Lý là thuộc giày dép. Trình Tiển chú giải sách Lễ Ký rằng: Đạp lên. Thuyết Văn cho là là chỗ để cái chân nường theo. Thi 尸 đến bộ xước 辵, đến bộ chu 舟, đến bộ văn chu 文舟, giống như chữ lý 履, là chữ tượng hình. Âm xước 辵 ngược lại âm sữu xích 丑尺, âm văn 文. Nhưng trong kinh viết từ chữ phúc 復 là sai. Ngược lại âm tiền diễn 錢演. Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Theo thứ tự giẫm đạp lên. Theo Mao Thi Truyện cho là đáng đi. sách Lễ Ký cho rằng: Đạp lên địa vị, bước lên địa vị, đi hành lễ. Thuyết Văn cho là giày dép. Chữ viết từ bộ túc 足 thanh tiền 錢 cũng là thanh tiền 錢, hoặc viết tiền này, âm tiền đều đồng với âm tiền 錢. Ngược lại âm sát 察 hạn 限.

Như si (如 癡). Ngược lại âm sĩ tri 恥知. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Si là ngây ngô đần độn. Tự Thư cho là Ngu đần. Thuyết Văn cho là không có trí tuệ. Chữ viết từ bộ tật thanh nghi 疑. Âm tật là âm nữ 厄.

Như á (如 啞) Ngược lại âm á giả 啞賈. Trong kinh viết từ bộ khẩu 口 viết thành á 啞 là chẳng đúng.

Như lung (如 聾). Ngược lại âm lỗ đông 魯東. Thuyết Văn cho là Lỗ tai không thông. Chữ viết từ bộ nhĩ 耳 thanh long 龍. Trong kinh viết chữ long này là chẳng đúng.

Như manh (如 盲). Ngược lại âm trên là bá bành 百彭. Ba chữ trên trong quyển nhất đã giải thích rồi.

Đoạn tiết (斷 截). Ngược lại âm trên là đoàn tiết 團 阨. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư là đoạn tuyệt. Thuyết Văn cho là là cắt đứt, chữ đoạn cũng giống như chữ tiết, là cắt đứt. Chữ viết từ bộ cân 斤 đến chữ kế 繼 kế là chữ tuyệt 絕 cổ. Nay trong văn kinh đảo lại 斷 lấy dùng chữ kế này tiện và ổn định, hoặc viết đoạn tuyệt là chữ cổ. Có viết chữ 斷 là văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là tiện tiết 賤節. Trình Tiển chú giải Mao Thi Truyện cho rằng: Cắt xén đều nhau, bằng nhau. Thuyết Văn cho là Dùng tay sửa lại. Chữ viết từ bộ thổ 土 viết từ chữ tiết 截. Là văn thông dụng.

Giao thiệp 交涉. Ngược lại âm thời diệp 時葉. Đốt lên gọi là thiệp 涉, gọi là nhập vào. Theo Hán Thư cho rằng: Thiệp là giẫm đạp lên. Thuyết Văn cho rằng chữ viết từ hai bộ thủy, viết chữ thiệp, là chữ cổ. Theo Lệ Sách cho rằng: Viết lược bớt đi một bộ thủy, viết

thiếp 涉.

(Quyển 338, 339, 340 đều không có âm giải thích.)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 341

Miệt Lệ Xa (蔑隸車). Ngược lại âm trên là miên miết 眠瞥. Kế là âm lệ 麗, hoặc gọi là Miệt lệ xa 蔑戾車. Tiếng Phạm, đều sai, lược, không đúng. Gọi là tất lật 畢栗 (hai âm hợp) sa. Hán dịch là hạ tiện, chủng loại hèn hạ, là nơi biên giới xa xôi, là người không biết lễ nghĩa.

Chiên Trà La (旃荼羅). Ngược lại âm trên là chi nhiên 之然. Quyển 4 ở trước đã giải thích.

Bổ Yết Sa (補羯娑) là tiếng Phạm, đồng với hai chủng loại trên.

Luyện tích (攣躋). Ngược lại âm lực duyên 力緣. Ngược lại âm dưới là bi diệc 卑亦. Quyển 181 ở trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Bối lữ (背儂). Ngược lại âm lực vũ 力禹. Nghĩa là thân cúi xuống.

Điên giản (癡癩). Ngược lại âm trên là đĩnh kiên 丁堅, âm dưới là nhàn 閑. Hai câu trên, trong quyển một trăm tám mươi một đã giải thích đầy đủ rồi.

Đam lạc (耽樂). Ngược lại âm đáp nam 答南. Nhĩ Nhã cho rằng: Lấy cái vui quá độ. Vận Anh Tập cho là tốt đẹp. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ hỏa. Trong văn kinh viết từ bộ thân 身 cũng thông dụng, hoặc viết chữ đam, cũng thông với chữ đam 耽. Dưới là âm lạc 洛.

Ngõa lịch (礫). Ngược lại âm linh đích 零的. Thuyết Văn cho là Đá vụn, cũng gọi là đá nhỏ.

Vấn một (殞歿). Ngược lại âm trên là vân mẫn 雲敏. Âm dưới là môn cốt 門骨. Hiếu Thanh cho rằng: Vấn một đều là chết. Sách Lễ Ký cho rằng: Đông cứng lại. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Là hết. Theo văn cổ viết là vấn, lại viết vấn một là chữ tượng hình. Chữ chánh xưa nay gọi là vấn một 殞歿 là chết, đều từ bộ nguyệt 夕, đều từ thanh viên thù 員爿.

Dục khấu (欲扣). Ngược lại âm khổ hậu 苦厚. Khổng Tử cho rằng: Lấy cây gậy mà đánh trên cằm của Nguyên Nương. Khổng An

Quốc chú giải rằng: Khẩu là đánh. Quảng Nhã cho rằng: Đưa lên, nâng lên, dơ cao lên. Thuyết Văn nói viết khẩu nghĩa là đánh, gõ, cũng viết chữ khẩu 扣 này.

Pháp Loa (法 擿). Ngược lại âm lỗ hòa 魯 ?. Thuyết Văn cho là Loại ốc sên thân lớn. Theo chữ loa 螺, đó là loại nhạc khí, dùng để thổi tiếng nghe rất hay, dùng để hòa theo các âm nhạc, cho nên trong kinh dẫn ra là m ví dụ, cũng viết chữ loa 螺 này, văn thường hay dùng.

Tích vi (析 為). Ngược lại âm tinh diệc 星 亦. Quảng Nhã cho rằng: tích 析 là phân ra. Thuyết Văn cho là Phá bỏ, chặt bỏ cây. Chữ viết từ bộ mộc 木 thanh cân 斤, hoặc viết từ phiến 片 viết thành chữ tích. Trong văn kinh viết từ bộ thủ 手 là chẳng đúng. Ngược lại âm chương liệt 章 列, chẳng phải nghĩa này. Dưới là chữ vi 為 viết từ bộ trảo 爪 là đúng. Ngược lại âm vi nguy 葦 危. Vương Tiêu chú giải sách Luận Ngữ rằng: Vi là là m.

Triêm bỉ (霑 彼). Ngược lại âm Triếp liêm 輒 廉. Hàn Thi Truyện cho rằng: Triêm (霑) là thấm ướt. Hiếu Thanh cho là Âm chút ít. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ vũ 雨 thanh triêm 沾. Văn Tự Tập Lược viết triêm 沾 này là viết lược bớt.

Trích số (滴 數). Ngược lại âm đinh 丁 歷 lịch. Hiếu Thanh cho rằng: Giọt nước rơi xuống. Thuyết Văn cho là Giọt nước chú nguyện. Chữ viết từ bộ thủy thí 壼 thanh tỉnh 省. Chữ thí 壼 viết từ bộ kế 帝 đến bộ khẩu 口. Trong văn kinh viết lược đi bộ khẩu 口 viết là thí, văn thường hay dùng. Âm thí 壼 là âm sí 翹. Ngược lại âm dưới là sương cú 霜 句.

Mị trước (魅 著). Ngược lại âm mi bí 眉 秘. Theo kinh Sơn Hải cho là tinh vật lão luyện. Thuyết Văn nói viết mị từ bộ quỷ 鬼. Nghĩa là quỷ mọc lông, cho nên viết từ bộ sam 彡, giống như lông. Ngược lại âm dưới là trì lược 池 略. Chữ viết từ bộ thảo 草 đến chữ giả 者. Trong kinh viết từ bộ thảo 草 viết trước chữ 著 này là chẳng đúng.

Bất khứu (不 糗). Ngược lại âm hưu hữu 休 右. Thuyết Văn cho là dùng mũi để ngửi, gọi là khứu. Chữ viết từ bộ ty 鼻 thanh xú 臭.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 342

Ái Tắng (愛憎). Ngược lại âm tắc đặng 則登. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Chữ Tắng 憎 cũng giống như chữ ác 惡. Thuyết Văn nói cũng gọi là ác 惡. Chữ viết từ bộ tâm 心 đến bộ bát 八 đến bộ tiểu 小, gọi là tiểu nhân.

Cơ quan (機關). Ngược lại âm trên là ký nghi 記宜. Theo Tập Huấn Truyện cho là bộ phận là m việc, là bộ phận then chốt để phát động, gọi là cơ 機. Thuyết Văn cho rằng là chủ phát động máy nên gọi là cơ. Chữ viết từ bộ mộc 木 thanh cơ 幾. Ngược lại âm dưới là cổ ngoan 古頑. Theo sách Đại Đái Lễ cho rằng: Người quân tử tình gần mà

vui thú ở nơi xa, xát thật có một mà quan hệ rất nhiều. Thuyết Văn cho rằng: Lấy cái cây gài ngang giữ cái cửa lại gọi là quan 關. Chữ viết từ bộ môn 門, thanh 清. Âm quan đồng với âm trên. Trong văn kinh viết chữ khai 開, chẳng phải nghĩa của kinh.

(Quyển 343, 344, 345 ba quyển này đều không có âm giải thích.)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 346

Trở hoại (阻壞). Ngược lại âm trên là trang sở 莊所. Ngược lại âm dưới là hoại quái 懷怪. Quyển ba trăm lẻ hai ở trước đã giải thích đầy đủ chữ trở 阻. Quyển ba trăm ba mươi đã giải thích đầy đủ chữ hoại 壞.

U hộ (依怙). Ngược lại âm hồ cổ 胡古. Quyển một trăm bảy mươi hai ở trước đã giải thích rồi.

Đầu thú (投趣). Ngược lại âm trên là đồ hậu 徒候. Theo Tả Truyện cho rằng: Khiêu ra, ném, quăng. Vương Dật chú giải sách Sở Từ cho là hợp, đè xuống. Thuyết Văn viết chữ đầu 頭. Xưa viết chữ 投 đầu này. Nghĩa là dùng tay lắc là m vật lay động. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh thù 投.

Châu chữ (洲渚). Âm trên là châu 州. Ngược lại âm dưới là chư 諸與. Quyển bốn mươi bảy ở trước đã giải thích đầy đủ.

Ám minh (闇莫) Âm trên là ám 暗. Quyển một trăm lẻ sáu trước đã giải thích đầy đủ rồi. Ngược lại âm dưới là mễ bình 米瓶. Nghĩa là

tối tâm, mê muội. Quyển tám ở trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Manh cổ (盲瞽). Chữ trên là manh 盲. Quyển nhất ở trước đã giải thích rồi. Âm dưới là cổ 古. Giải thích tên gọi cổ 瞽 là ngủ, thường ngủ, hai mắt bằng phẳng như mặt trống, vì giống như vậy mà gọi tên. Thuyết Văn cho rằng: Có mắt mà không có con người, trông mắt. Chữ viết từ bộ mục 目 đến chữ cổ 鼓, là chữ hội ý.

Phỉ báng (誹謗). Ngược lại âm trên là phi vị 非味. Âm dưới là bổ lãng 補浪. Xem quyển một trăm tám mươi một đã giải thích đầy đủ.

Chúc lụy (囑) Ngược lại âm trên là chi dục 之欲. Vận Thuyên Tập cho là phó chúc, là giao phó đối với vật gì. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện là gởi gắm. Sách Sở Từ chú giải là Kế tục, tiếp nối. Văn Ngọc Thiên cho rằng: Gởi gắm cho nhau, phó thác cho nhau, ủy thác giao phó cho nhau. Chữ viết từ bộ vĩ 尾 thanh chúc. Âm vĩ 尾 ngược lại âm dưới lực nguy 力. Vương Dật chú giải sách Sở Từ cho là Từng lớp. Theo Tả Truyện cho rằng: Tương thời động không liên lụy đến người sau. Lưu triệu chú giải Công Dương Truyện rằng: Chứa nhóm theo thứ lớp. Quảng Nhã cho rằng: Ủy thác chúc lụy cho nhau. Thuyết Văn cho rằng: Lụy là tăng thêm. Truyện Bạt Độ Vi Tường cho rằng: Văn cổ viết lụy 纍 lụy đều là chữ tượng hình, hoặc viết ba bộ điền 田 viết thành chữ lụy, hoặc viết 纍 lụy đều đồng.

Hồng phiêu (紅縹). Ngược lại âm phiêu tiểu 漂小. Xem trong quyển năm mươi sáu ở trước đã giải thích.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 347

Thực khoảnh (食頃). Ngược lại âm khuynh đỉnh 頃穎. Khảo Thanh cho rằng: Ít lựa chọn, nghĩa là ăn trong khoảng thời gian rất ngắn. Thuyết Văn nói rằng: Chữ viết từ bộ chũy. Âm đỉnh 穎 ngược lại âm dinh đỉnh 贏頂.

Tu du (須臾). Ngược lại âm trên là tương du 相逾. Ngược lại âm dưới là du chu 俞朱. Ở nước Tây Vực chia ra tên, xưa dịch sai, lược. Chính âm Phạm là Mô hộ lật đa 謨護栗多, tức là câu-xá 俱舍, tức trong giây phút. Theo Luận cho rằng: Người xuất gia ràng buộc nơi lạp, người dịch là khắc, hai khắc là một tu du, ba mươi tu du là một ngày một đêm. Thường chia thành sáu mươi khắc, khi mùa Đông và mùa Hạ

đến, hai là cực dài và cực ngắn cùng nhau xâm chiếm. Tám khắc tức là ba mươi tám khắc, hai mươi hai khắc, cũng như nước này trải qua ngày đêm, một trăm khắc cùng nhau xâm chiếm. Tức là theo lệ, mười trong sáu mươi bốn. Nếu lấy theo giờ Tý, Sửu, v.v... thì chừng khoảng mười hai tiếng đồng hồ. Mỗi giờ thì năm khắc, hai giờ thì mười khắc, cộng chung là năm tu du.

Nga nhĩ (俄爾). Ngược lại âm ngũ ca 五哥. Tức là sự lựa chọn còn thiếu. Nga (俄) tức là bỗng nhiên, tiến gần giống như tu-du.

Thuấn tức (瞬息). Ngược lại âm thức nhuận 式閏. Vận Anh Tập cho rằng: Con mắt chuyển động. Trong văn kinh viết là thuấn 瞬, cũng là thông dụng, nghĩa là mở mắt ra nháy. Chữ viết từ bộ mục 目 dân 寅. Theo chữ thuấn mục 瞬目 là một nháy mắt, tức là hơi thở, nói là rất mau chóng. Theo Lữ Thị Xuân Thu Truyện cho rằng: Muôn đời cũng giống như là một nháy mắt.

Tán Lệ (讚勵). Ngược lại âm uy ngạn 威岸. Vận Anh Tập cho là Khen ngợi, cũng gọi là giải thích. Quách Phác cho rằng: Tán tụng, cho nên phải giải thích vật lý. Giải thích tên gọi là Khen ngợi sự tốt đẹp của người gọi là tán (讚). Ngược lại âm dưới là lực chế 力制. Xem quyển bảy mươi ở trước có giải thích đầy đủ.

Trọng đảm (重擔). Ngược lại âm đam lã 耽濫. Quảng Nhã cho rằng: Đảm là gánh vác, phụ trách. Khảo Thanh cho rằng: Dùng khúc gỗ mà gánh vác vật gọi là đảm 擔. Thuyết Văn là Nhắc cao lên. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh đảm 詹. Chữ viết từ bộ mộc 木 chẳng phải âm chiêm 詹 là âm chiêm 占.

Đãi đắc (逮得). Ngược lại âm trên là đồ nại 徒奈. Nhĩ Nhã cho rằng: Đãi (逮) là đến kịp. Phương ngôn cho rằng: Tự mình đóng cửa phía đông, phía Tây gọi là kịp đến. Trong văn kinh viết lộc 祿 này là chẳng đúng. Âm lộc 逮 là đi, chẳng phải nghĩa ở đây dùng.

Hoặc trịch (或擲). Ngược lại âm trình trích 呈摘. Vận Anh Tập cho rằng: Bỏ đi. Thuyết Văn cho là Ném. Từ bộ thủ 手, thanh trịch. Văn cổ viết trích 擲.

(Quyển 348, không có âm để giải thích.)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
QUYỂN 349

Khan lận (刊 慳). Ngược lại âm trên là khẩu gian 口 間. Quảng Nhã cho là Yêu tiếc tài vật. Ngược lại âm dưới là lân tín 隣 信. Quảng Nhã cho rằng: Lận là thấp hèn. Tự Thư cho là Tham tiếc. Vận Anh Tập cho rằng: Khan lận là keo bần, hà tiện, bủn xỉn, hoặc là viết lận là âm lận phán 吝 判. Âm khan 慳 ngược lại âm hạt 瞍.

Cố tích (顧 惜). Âm trên là cố 固. Trịnh Tiễn cho rằng: Quay đầu lại gọi là Cố. Thuyết Văn cho là nhìn trở lại. Chữ viết từ bộ hiệt 頁, thanh cố 雇. Âm cố 雇 đồng với âm trên. Trong văn kinh viết Cố 顧 này cũng là văn thường dùng. Ngược lại âm dưới là tinh diệc 星 亦. Quảng Nhã cho rằng: Tích là yêu tiếc. Sở Từ cho là Tham. Khảo Thanh cho là Keo bần, bủn xỉn. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh tích 昔. Xưa viết tích 脊 này.

Tu thừa (須 乘). Ngược lại âm trên là tương du 相 瑜. Tu (須) là văn thường dùng. Chữ chánh thể viết tu 須 nghĩa là chờ đợi. Thuyết Văn nói đồng với Tự Thư là chữ viết từ bộ lập 立 thanh tu 須. Trong văn kinh viết từ bộ thủy 水 văn thường dùng là chẳng đúng bốn chữ. Ngược lại âm dưới là thừa chứng 承 證. Hiếu Thanh cho rằng: chiếc xe bốn ngựa. Tên thông dụng là chiếc xe. Thuyết Văn cho là Che phủ. Xưa viết thừa 乘 từ bộ nhập 入 thanh thừa.

Cạnh lai (競 來). Ngược lại âm kinh kính 擊 敬. Vận Anh Tập cho rằng: Cạnh tranh về biên giới, Hiếu Thanh cho rằng: Theo đuổi, đưa đến, hoặc viết cạnh 競 nghĩa là rộng lớn, hoặc viết cạnh 競 là chữ cổ. Trong văn kinh viết cạnh 競 là văn chữ thường hay dùng.

Nguy thúy. Ngược lại âm dưới là thuyên tuế 詮 歲. Quảng Nhã cho rằng: Giòn, dễ gãy. Ngọc Thiên cho là Khinh bạc. Thuyết Văn cho là thịt nhuyễn dễ bằm. Chữ viết từ bộ nhục 肉 đến thanh tuyệt 絕 lại thanh tỉnh 省. Hoặc là viết thúy từ bộ nguy 危 đến viết thúy là chẳng đúng.

Lân mẫn (憐 愍). Ngược lại âm trên là luyện niên 練 年. Nhĩ Nhã cho là lòng yêu thương. Hiếu Thanh cho là Đau xót. Trong văn kinh viết lân là văn thường dùng. Ngược lại âm dưới là văn vãn 文 殞. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Mẫn là thương tâm. Thụy Pháp cho rằng: Khiến cho người ta đau lòng thương cảm gọi là mẫn 愍. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ tâm 心, âm mẫn đồng với âm trên.

Loa bối (擽 貝). Ngược lại âm lô hòa. Xem quyển một trăm tám mươi mốt ở trước đã giải thích đầy đủ.

